TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2025/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 16 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị C; sinh năm: 1983.

Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Quảng Ninh;

- Bị đơn: anh Phạm Văn L; sinh năm: 1981.

Địa chỉ thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Quảng Ninh;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh; Đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện V: bà Phạm Thị Mai L; chức vụ: Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện V; người bảo vệ quyền và lợi chích hợp pháp của UBND huyện Vn: ông Nguyễn Tiến Q – chuyên viên phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện V.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Phạm Văn L được quyền sử dụng 242,2m^2 đất (đất ở), trị giá 532.840.000đ (năm trăm ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tại địa chỉ: thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BE136352, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 479 do Uỷ ban nhân dân huyện V ngày 16/6/2011, đứng tên người sử dụng đất ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị C. Diện tích đất anh Phạm Văn L được giao phía đông tiếp giáp đất ông Trình Văn K, phía tây tiếp giáp đất ông Phạm Quang M, phía nam tiếp giáp đường thôn, phía bắc tiếp giáp đường thôn; được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,1 (theo

biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 10/01/2025, có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo) và được quyền sở hữu tài sản trên đất: 01 (một) nhà hai tầng bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ D220, sơn bả, diện tích 176,8m^2, giá trị 454.632.360 đồng; 01 công trình phụ mái bằng bê tông cốt thép, xây gạch chỉ D110, sơn bả, diện tích 15,9m^2, giá trị 26.639.655 đồng; tường xây gạch chỉ D110 (2,20m^2 giá trị 1.433.970 đồng; 1,13m^2 giá trị 736.539 đồng); Hàng rào inox 16m^2 giá trị 3.640.000 đồng; mái che chống nắng tôn thường, cầu phong li tô bằng sắt mạ kẽm 141m^2, giá trị 26.187.281 đồng; mái tôn bằng xốp (cột thép mạ kẽm,kèo, xà gồ thép mạ kẽm) 208,7m^2, giá trị 54.187.995 đồng; bê tông nền 18,04m^2, giá trị 8.526.003 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là: 575.983.803 đồng.

2.2. Anh Phạm Văn L có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất được giao cho chị Phạm Thị C 554.411.000đ (năm trăm năm mươi tư triệu bốn trăm mười một nghìn đồng), thanh toán bằng tiền mặt, một lần, thời hạn thanh toán chậm nhất đến hết ngày 30/6/2025.

2.3. Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.4. Anh Phạm Văn L có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở và tài sản trên đất đã được giao quyền sử dụng theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự của Toà án tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

2.5. Chị Phạm Thị C tự nguyện chịu toàn bộ tiền xem xét thẩm định tại chỗ và tiền định giá tài sản, chị C đã quyết toán xong.

2.6. Về án phí:

Anh Phạm Văn L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 13.088.220đ (mười ba triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm hai mươi đồng).

Chị Phạm Thị C tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 13.088.220đ (mười ba triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm hai mươi đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 16.306.643đ (mười sáu triệu ba trăm không sáu nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng), chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004173 ngày 20/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại chị Phạm Thị C 3.218.423đ (ba triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng ninh;
- Các đương sự;
- VKS huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Dương Thị Nga